

CTCP Xây dựng Coteccons (CTD)

ESG là lợi thế thúc đẩy tăng trưởng

20/05/2024

Chuyên viên phân tích Nguyễn Dương Nguyễn
nguyenn1@kbsec.com.vn

LNST Q3 FY24 đạt 105 tỷ VND (+52% QoQ, +375% YoY)

Trong kỳ, CTD ghi nhận 58 tỷ VND từ giao dịch mua giá rẻ sau khi sáp nhập Công ty TNHH Cơ và Điện Việt Nam (UGVN), giúp LNST tăng lần lượt 52% QoQ và 375% YoY. Đáng chú ý, mảng kinh doanh cốt lõi của CTD tiếp tục có sự cải thiện khi biên lãi gộp thuần đạt 3.5% (+50 bps QoQ, +171 bps YoY).

Nợ xấu tăng đột biến trong quý, CTD có thể cần gia tăng trích lập dự phòng trong các quý tiếp theo

Trong Q3 FY24, nợ xấu thuần của CTD đạt 928 tỷ VND, tăng 426 tỷ VND so với thời điểm cuối Q2 FY24. Các khoản nợ xấu mới trong kỳ phần lớn phát sinh từ các gói thầu, hợp đồng ký trước giai đoạn 2022, các chủ đầu tư gặp vấn đề về dòng tiền trong bối cảnh tốc độ hồi phục của thị trường Bất động sản dân cư/nghi dưỡng còn chậm.

Động lực tăng trưởng chính tới từ các dự án có vốn FDI

Với năng lực thi công hàng đầu, nền tảng tài chính vững chắc và khả năng đáp ứng các yêu cầu về ESG trong xây dựng của các chủ đầu tư nước ngoài, chúng tôi kỳ vọng CTD sẽ tiếp tục gia tăng backlog của các dự án công nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trong thời gian tới. KBSV cho rằng việc gia tăng tỷ trọng doanh thu tại các dự án có vốn đầu tư FDI là chiến lược đúng đắn khi (1) các dự án công nghiệp có biên lãi gộp cao là động lực chính để tăng trưởng lợi nhuận hoạt động kinh doanh cốt lõi, (2) các dự án của chủ đầu tư FDI sẽ giúp CTD hạn chế rủi ro phát sinh nợ xấu.

Khuyến nghị MUA với CTD, giá mục tiêu 85,000 VND/cổ phiếu

Chúng tôi khuyến nghị MUA với CTD, giá mục tiêu 85,000 VND/cổ phiếu, tương ứng với mức định giá PBR = 1x, tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng 20% so với giá đóng cửa ngày 20/05/2024

MUA thay đổi

Giá mục tiêu	VND 85,000
Tăng/giảm	20%
Giá hiện tại (20/05/2024)	VND 70,700
Giá mục tiêu đồng thuận	VND 75,900
Vốn hóa (nghìn tỉ VND/tỉ USD)	0.68/0.26

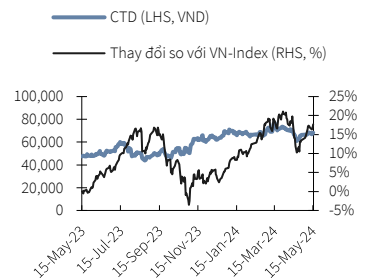
Dữ liệu giao dịch	
Tỉ lệ cổ phiếu tự do chuyển nhượng (%)	55%
GTGD TB 3 tháng (tỉ VND/triệu USD)	125.25/5,04
Sở hữu nước ngoài	44.9%
Cổ đông lớn (Kustoshem Private Limited)	17.6%

Biến động giá cổ phiếu				
(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	3.3	1.8	10.0	43.9
Tương đối	0.2	-2.5	-3.9	26.2

Dự phóng KQKD & định giá

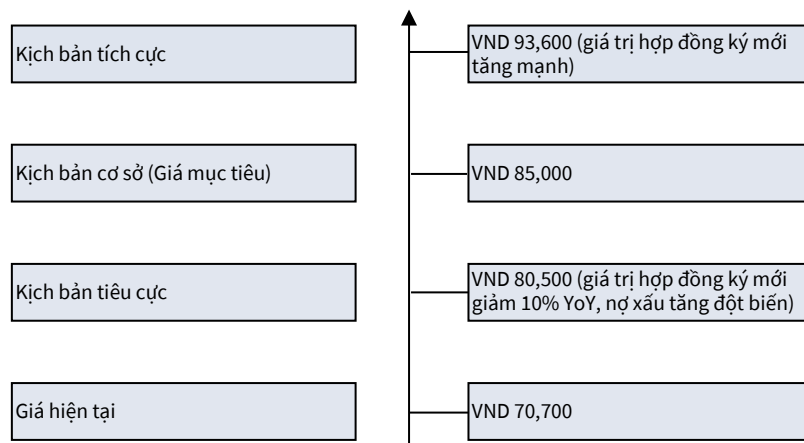
FY-end	FY 2022A	FY 2023A	FY 2024F	FY 2025F
Doanh số thuần (tỷ VND)	14,537	6,744	19,964	23,558
Lãi/lỗ từ HĐKD (tỷ VND)	-54	69	244	420
Lợi nhuận của CĐ công ty mẹ (tỷ VND)	21	52	292	336
EPS (VND)	263	663	2,820	3,243
Tăng trưởng EPS (%)	-13%	152%	326%	15%
P/E (x)	125.2	97.8	25.1	21.8
P/B (x)	0.3	0.6	0.9	0.8
ROE (%)	0%	1%	3%	4%
Tỉ suất cổ tức (%)	0%	0%	0%	0%

Nguồn: Bloomberg, KBSV



Nguồn: Bloomberg, KBSV

Quan điểm định giá



Kịch bản tích cực:

- Hợp đồng ký mới FY25 đạt 24,500 tỷ VND
- % dự phòng/doanh thu FY25 đạt 0.9%

Kịch bản cơ sở:

- Hợp đồng ký mới FY25 đạt 23,000 tỷ VND
- % dự phòng/doanh thu FY25 đạt 1.1%

Kịch bản tiêu cực:

- Hợp đồng ký mới FY25 đạt 20,500 tỷ VND
- % dự phòng/doanh thu FY25 đạt 1.5%
- Nợ xấu tăng đột biến, nhiều hơn dự kiến

Nguồn: KB Securities Vietnam

Dự phóng KQKD điều chỉnh

(tỷ VND, %)	Dự phóng kỳ trước		Dự phóng điều chỉnh		Thay đổi	
	2024E	2025E	2024E	2025E	2024E	2025E
Doanh thu	18,359	17,928	19,964	23,558	8.7%	31.6%
EBIT	169	269	189	196	11.1%	-27.7%
LNST công ty mẹ	321	448	292	336	9.0%	25.0%

Nguồn: KB Securities Vietnam ước tính

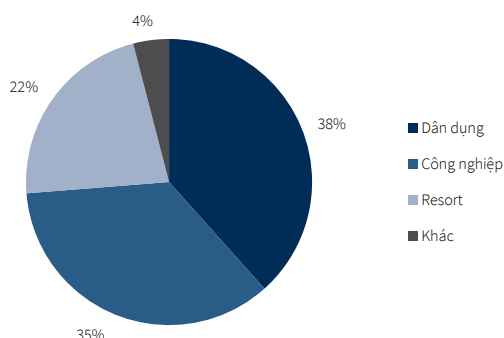
Dự phóng của KBSV vs. Dự phóng đồng thuận

(tỷ VND, %)	Dự phóng của KBSV		Dự phóng đồng thuận		Chênh lệch	
	2024E	2025E	2024E	2025E	2024E	2025E
Doanh thu	19,964	23,558	16,187	18,119	23.3%	27.2%
EBIT	189	196	79	147	153.5%	46.9%
LNST công ty mẹ	292	336	242	282	27.8%	26.7%

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam ước tính

*Dự phóng đồng thuận: là dự phóng trung bình của các TCTC được Bloomberg tổng hợp và tính toán

Cơ cấu doanh thu 2023



Hoạt động kinh doanh

CTD là doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực xây dựng tại Việt Nam, công ty hoạt động trong lĩnh vực thi công, xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, cơ sở hạ tầng. Năng lực thi công của của CTD được khẳng định khi bắt tay với các chủ đầu tư trong và ngoài nước như Vinhomes, Vinfast, Lego, etc.

Nguồn: Báo cáo công ty, KB Securities Vietnam

Cập nhật KQKD

Bảng 1. Cập nhật KQKD/Dự phóng KQKD

(tỷ VNĐ)	1Q2023	Q3 FY24	+/-%YoY	3Q22-1Q23	9M FY24	+/-%YoY	Chú thích
Doanh thu	3,130	4,666	49.1%	12,473	14,450	15.8%	
Giá vốn hàng bán	-5,491	-4,445	-19.0%	-12,213	-13,960	14.3%	
Lợi nhuận gộp	56	221	297.1%	260	490	88.3%	
<i>Biên lợi nhuận gộp</i>	1.8%	4.7%	296 bps	2.1%	3.4%	130 bps	Biên lãi gộp thuần đạt 3.5% (+171 bps YoY) nhờ tỷ trọng doanh thu từ mảng công nghiệp tăng và ghi nhận gần hết các dự án giai đoạn trước 2022 với biên lãi thấp
Thu nhập tài chính	85	42	-50.7%	238	210	-11.5%	
Chi phí tài chính	-32	-11	-64.2%	-135	-75	-44.8%	
Lợi nhuận từ công ty LD, LK	-6	0	-99.8%	-19	0	-99.9%	
SG&A	-72	-181	149.5%	-358	-386	7.7%	Chi phí dự phòng đạt 94 tỷ VNĐ, tăng 4 quý liên tiếp
Lãi/lỗ từ hoạt động kinh doanh	30	136	352.4%	-14	240		
Thu nhập khác	-1	66		67	65	-3.9%	Q3 FY24 ghi nhận lãi từ giao dịch mua rẻ 58 tỷ VNĐ sau khi hợp nhất UGVN
Lợi nhuận trước thuế (LNTT)	29	136	364.0%	53	312	486.9%	
<i>Biên LNTT</i>	0.9%	2.9%	198 bps	0.4%	2.2%	173 bps	
Chi phí Thuế TNDN	-7	-31		-16	-71	353.0%	
Lợi nhuận sau thuế (LNST)	22	105	375.5%	37	241	543.1%	
<i>Biên LNST</i>	0.7%	2.2%	154 bps	0.3%	1.7%	137 bps	
Lợi nhuận của CP công ty mẹ	22	105	374.8%	37	241	542.7%	

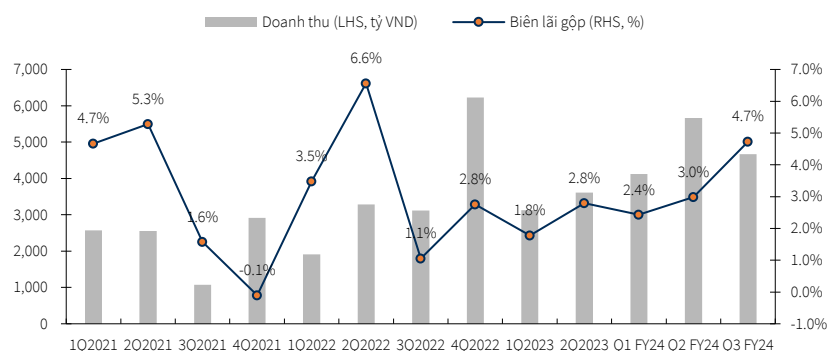
Nguồn: Báo cáo công ty, KB Securities Vietnam

LNST tăng mạnh nhờ hợp nhất 2 công ty con

Sau khi điều chỉnh, biên lãi gộp của CTD trong Q3 FY24 đạt 3.5% (+50bps QoQ, +171bps YoY) nhờ hoàn thiện, bàn giao và hạch toán phần lớn các dự án cũ (trước 2021) với biên lãi gộp thấp. Chúng tôi đánh giá đây là yếu tố tích cực và kỳ vọng hoạt động kinh doanh cốt lõi của CTD tiếp tục được cải thiện, kỳ vọng biên lãi gộp tăng lên 3.6%/3.8% trong giai đoạn FY25/FY26 nhờ (1) gia tăng tỷ trọng doanh thu từ mảng công nghiệp và (2) đóng góp doanh thu từ các dự án mới với biên lãi gộp tốt hơn được đẩy mạnh.

LNST của CTD đạt 105 tỷ VNĐ (+52% QoQ, 375% YoY) với thu nhập khác ròng 66 tỷ VNĐ nhờ phát sinh lãi từ giao dịch mua giá rẻ/lợi thế thương mại âm (58 tỷ VNĐ) trong quá trình hợp nhất Công ty TNHH Cơ và Điện Việt Nam (UGVN).

Biểu đồ 2. Biên lãi gộp tăng mạnh trong Q3 FY2024

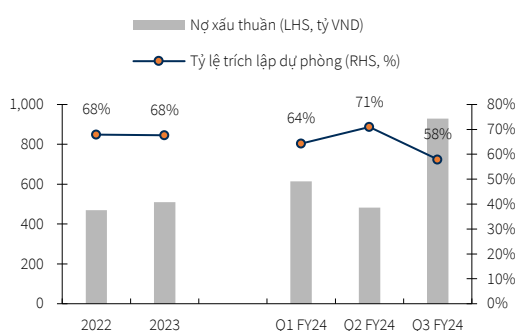


Nguồn: CTD, KBSV ước tính

Trích lập dự phòng tăng trở lại

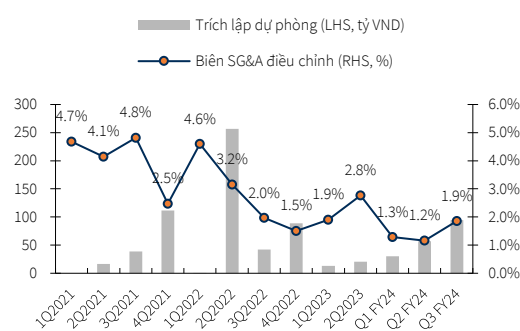
Trong kỳ, BCTC của CTD ghi nhận nợ xấu thuần tăng đạt 928 tỷ VND (+93% QoQ), phát sinh tập trung từ các dự án đã ký trước 2022. Cùng với đó, chi phí dự phòng trong Q3 FY24 có quý thứ 4 tăng liên tiếp, đạt 94 tỷ VND (trích lập tại dự án Le Meriden Đà Nẵng). Với việc nợ xấu gia tăng đột biến, chúng tôi cho rằng CTD sẽ chủ động gia tăng trích lập dự phòng trong thời gian tới. Trong mô hình dự phóng, chúng tôi ước tính chi phí dự phòng của CTD trong FY2025 đạt 260 tỷ VND (+5% YoY), tương ứng với tỷ lệ trích lập dự phòng/doanh thu của CTD trong năm ở mức 1.1%.

Biểu đồ 3. Nợ xấu thuần tăng mạnh



Nguồn: CTD, KBSV ước tính

Biểu đồ 4. Biên SG&A (trừ dự phòng) tăng 70bps trong Q3 FY24

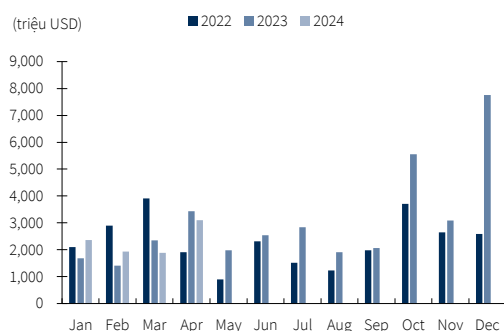


Nguồn: CTD, KBSV ước tính

Động lực tăng trưởng chính trong FY25 tới từ các dự án công nghiệp có vốn FDI, tận dụng lợi thế từ việc triển khai ESG sớm

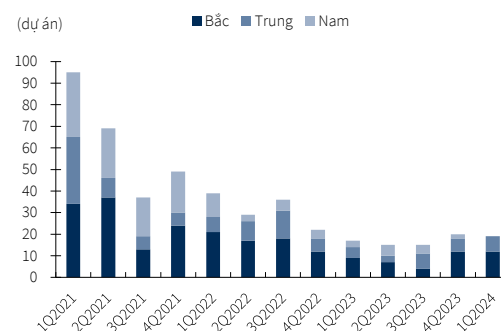
Tính tới cuối Q3 FY24, giá trị hợp đồng ký mới của CTD đạt 19,000 tỷ VND, backlog theo kế hoạch chuyển sang FY25 ước tính ở mức 24,000 tỷ VND. Chúng tôi kỳ vọng giá trị hợp đồng ký mới trong FY25/FY26 đạt lần lượt 23,000/25,000 tỷ VND, động lực thúc đẩy tăng trưởng nguồn cung công việc gia tăng nhờ nguồn vốn FDI đầu tư vào Việt Nam duy trì ổn định và sự phục hồi của thị trường Bất động sản. Đối với các dự án có vốn đầu tư nước ngoài, bên cạnh khả năng thi công hàng đầu và sức khỏe tài chính lành mạnh, chúng tôi cho rằng CTD sẽ có lợi thế cạnh tranh khi đấu thầu nhờ áp dụng ESG sớm, đáp ứng tiêu chuẩn LEED (tiết kiệm năng lượng, sử dụng nước hiệu quả, giảm phát thải khí CO₂, etc.). Về nguồn cung công việc trong nước, chúng tôi nhận thấy giai đoạn khó khăn nhất của thị trường Bất động sản đã qua khi số lượng dự án được cấp phép mới đã tạo đáy trong giai đoạn 2Q-3Q2023 (Biểu đồ 5). KBSV cho rằng thị trường Bất động sản sẽ dần hồi phục trong 2H2024 với tốc độ chậm, nguồn cung công việc cho các doanh nghiệp xây dựng cũng sẽ dần gia tăng.

Biểu đồ 5. Vốn đăng ký FDI vào Việt Nam



Nguồn: GSO, KBSV ước tính

Biểu đồ 6. Số dự án được cấp phép xây dựng mới



Nguồn: MOC, KBSV ước tính

Dự phóng & Định giá

Bảng 7. Dự phóng kết quả kinh doanh

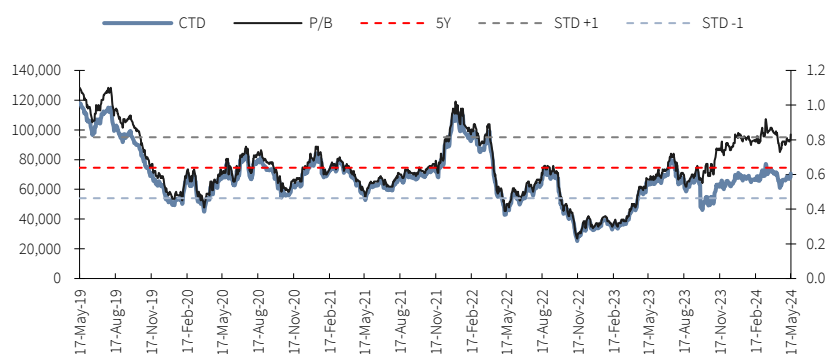
(tỷ VND)	FY2023	FY2024	+/-%YoY	FY2025	+/-%YoY	Chú thích
Doanh thu	6,744	19,964	196.0%	23,558	18.0%	Doanh thu FY25 tăng 18% với backlog ước tính 24,000 tỷ VND, kỳ vọng ký mới 23,000 tỷ VND
Giá vốn hàng bán	-6,588	-19,302	193.0%	-22,804	18.1%	
Lợi nhuận gộp	157	683	336.3%	847	24.0%	
<i>Biên lợi nhuận gộp</i>	2.3%	3.4%	110 bps	3.6%	18 bps	Biên lãi gộp FY25 tăng 18bps nhờ (1) tăng tỷ trọng doanh thu mảng công nghiệp và (2) dần ghi nhận các dự án ký kết sau 2022 với biên lãi gộp cao hơn
Lãi tiền gửi	66	207	213.6%	252	21.8%	
Chi phí lãi vay	-25	-95	273.0%	-88	-7.2%	
Lãi/lỗ tỷ giá, khác	19	75	306.8%	60	-20.3%	
Lợi nhuận từ công ty LD, LK	-7	0		0		
SG&A	-193	-551	185.9%	-592	7.3%	Gia tăng chi phí dự phòng do nợ xấu phát sinh từ các dự án giai đoạn trước 2022
Lãi/ lỗ từ hoạt động kinh doanh	69	244	255.6%	420	72.0%	
Thu nhập khác	0	65		0		
Lợi nhuận trước thuế (LNTT)	69	376	447.5%	420	11.6%	
<i>Biên LNTT</i>	1.0%	1.9%	87 bps	1.8%	-10 bps	
Chi phí Thuế TNDN	-17	-84	408.6%	-84	0.0%	
Lợi nhuận sau thuế (LNST)	52	292	459.9%	336	15.0%	
<i>Biên LNST</i>	0.8%	1.5%	69 bps	1.4%	-4 bps	
Lợi nhuận của CĐ công ty mẹ	52	292	459.6%	336	15.0%	

Nguồn: Báo cáo công ty, KB Securities Vietnam

Khuyến nghị MUA với CTD với giá mục tiêu 85,000 VND/cổ phiếu

Chúng tôi xác định giá trị hợp lý của CTD là 85,000 VND/cổ phiếu, tương ứng với mức tỷ suất lợi nhuận 14% so với giá đóng cửa ngày 17/05/2024. Cơ sở điều chỉnh giá mục tiêu của chúng tôi là nhờ chuyển mốc định giá sang FY2025 và áp dụng hệ số PBR bằng 1x cho CTD với quan điểm rằng hoạt động kinh doanh cốt lõi có cải thiện rõ rệt và chất lượng tài sản sẽ ngày càng được củng cố nhờ chính sách quản trị rủi ro chặt chẽ, chủ động trích lập dự phòng các dự án cũ.

Biểu đồ 8. P/B của CTD



Nguồn: FiinPro, KBSV tổng hợp

PHỤ LỤC

Báo cáo Kết quả HĐKD

(Tỷ VND)

(Báo cáo chuẩn)	FY2022	FY2023	FY2024	FY2025
Doanh số thuần	14,537	6,744	19,964	23,558
Giá vốn hàng bán	-14,050	-6,588	-19,302	-22,804
Lãi gộp	487	157	663	847
Lãi tiền gửi	254	66	207	252
Chi phí lãi vay	-79	-25	-95	-88
Lãi/lỗ tỉ giá, khác	44	19	75	60
Lãi/(lỗ) từ công ty liên doanh (từ năm 2015)	-24	-7	0	0
SG&A	-735	-193	-551	-592
Lãi/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh	-54	69	244	420
Thu nhập khác, ròng	88	0	65	0
Lãi/(lỗ) từ công ty liên doanh	0	0	0	0
Lãi/(lỗ) ròng trước thuế	35	69	376	420
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	-14	-17	-84	-84
Lãi/(lỗ) thuần sau thuế	21	52	292	336
Lợi ích của cổ đông thiểu số	0	0	0	0
Lợi nhuận của Cổ đông của Công ty mẹ	21	52	292	336

Chỉ số hoạt động

	FY2022	FY2023	FY2024	FY2025
Tỷ suất lợi nhuận gộp	3%	2%	3%	4%
Tỷ suất EBITDA	0%	1%	1%	2%
Tỷ suất EBIT	-1%	1%	1%	2%
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế	0%	1%	2%	2%
Tỷ suất lãi hoạt động KD	0%	1%	1%	2%
Tỷ suất lợi nhuận thuần	0%	1%	1%	1%

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

(Tỷ VND)

	FY2022	FY2023	FY2024	FY2025
Lãi trước thuế	35	69	376	420
Khấu hao TSCĐ	106	51	61	71
Lãi/(lỗ) từ hoạt động đầu tư	-352	-169	0	0
Chi phí lãi vay	79	50	95	88
Lãi/(lỗ) trước những thay đổi vốn lưu động	388	61	532	579
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	-3,285	-986	-2	-1,216
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	-1,188	-308	70	-178
Tăng/(giảm) các khoản phải trả	2,860	2,228	31	1,495
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	-58	-1	0	0
Chứng khoán kinh doanh, chi phí lãi vay, thuế và khác	-344	-64	-1,068	414
Lưu chuyển tiền tệ ròng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh	-1,627	931	-437	1,095
Tiền mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-195	-40	-227	-141
Tiền thu được từ thanh lý tài sản cố định	2	0	0	0
Tiền cho vay hoặc mua công cụ nợ	-4,540	-1,769	0	0
Tiền thu từ cho vay hoặc thu từ phát hành công cụ nợ	5,491	1,417	412	0
Đầu tư vào các doanh nghiệp khác	-525	0	0	0
Tiền thu từ việc bán các khoản đầu tư vào các doanh nghiệp khác	183	0	0	0
Cổ tức và tiền lãi nhận được	317	157	0	0
Lưu chuyển tiền tệ ròng từ hoạt động đầu tư	733	-235	185	-141
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu và vốn góp	0	6	0	0
Chi trả cho việc mua lại, trả lại cổ phiếu	0	0	0	0
Tiền thu được các khoản đi vay	2,242	817	0	0
Tiền trả các khoản đi vay	-1,168	-700	-18	-503
Tiền thanh toán vốn gốc đi thuê tài chính	-1	0	0	0
Cổ tức đã trả	0	0	0	0
Tiền lãi đã nhận	0	0	0	0
Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động tài chính	1,073	122	-18	-503
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	180	818	-271	451
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	885	1,064	1,883	1,612
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	1,064	1,883	1,612	2,063

Nguồn: KBSV ước tính

Bảng cân đối kế toán

(Tỷ VND)

(Báo cáo chuẩn)	FY2022	FY2023	FY2024	FY2025
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	18,965	21,375	21,038	22,953
TÀI SẢN NGẮN HẠN	17,465	19,884	19,168	21,013
Tiền và tương đương tiền	1,064	1,883	1,612	2,063
Giá trị thuần đầu tư ngắn hạn	1,780	2,180	1,768	1,768
Các khoản phải thu	11,231	12,079	11,878	13,094
Hàng tồn kho, ròng	2,838	3,148	3,078	3,256
TÀI SẢN DÀI HẠN	1,500	1,491	1,870	1,940
Phải thu dài hạn	380	399	603	603
Tài sản cố định	560	523	582	652
Tài sản dở dang dài hạn	48	33	120	120
Đầu tư dài hạn	38	50	68	68
Lợi thế thương mại	0	0	0	0
NỢ PHẢI TRẢ	10,751	13,103	12,474	14,053
Nợ ngắn hạn	10,224	12,603	11,976	14,050
Phải trả người bán	5,060	5,196	5,227	6,722
Vay ngắn hạn	553	697	681	674
Phải trả ngắn hạn khác	4,612	6,710	6,068	6,654
Nợ dài hạn	527	500	498	2
Phải trả nhà cung cấp dài hạn	0	0	0	0
Vay dài hạn	524	498	496	0
Phải trả dài hạn khác	2	3	2	2
VỐN CHỦ SỞ HỮU	8,214	8,272	8,564	8,900
Vốn góp	788	788	1,036	1,036
Thặng dư vốn cổ phần	3,019	2,958	2,958	2,958
Quỹ khác	4,070	4,137	3,889	3,889
Lãi chưa phân phối	336	388	681	1,017
Vốn ngân sách nhà nước và quỹ khác	0	0	0	0
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0

Chỉ số chính

(x, %, VND)

	FY2022	FY2023	FY2024	FY2025
Chỉ số định giá				
P/E	125	98	25	22
P/E pha loãng	125	98	25	22
P/B	0	1	1	1
P/S	0	1	0	0
P/Tangible Book	5	10	13	11
P/Cash Flow	-2	5	-17	7
Giá trị doanh nghiệp/EBITDA	-78	65	23	22
Giá trị doanh nghiệp/EBIT	-14	535	39	37
Hiệu quả quản lý				
ROE%	0%	1%	3%	4%
ROA%	0%	0%	1%	2%
ROIC%	0%	1%	3%	3%
Cấu trúc tài chính				
Tỷ suất thanh toán tiền mặt	10%	15%	13%	15%
Tỷ suất thanh toán nhanh	138%	128%	127%	120%
Tỷ suất thanh toán hiện thời	171%	158%	160%	150%
Vốn vay dài hạn/Vốn CSH	0%	0%	0%	0%
Vốn vay dài hạn/Tổng Tài sản	0%	0%	0%	0%
Vốn vay ngắn hạn/Vốn CSH	7%	8%	8%	8%
Vốn vay ngắn hạn/Tổng Tài sản	0%	0%	0%	0%
Công nợ ngắn hạn/Vốn CSH	62%	63%	61%	76%
Công nợ ngắn hạn/Tổng Tài sản	27%	24%	25%	29%
Tổng công nợ/Vốn CSH	62%	63%	61%	76%
Tổng công nợ/Tổng Tài sản	27%	24%	25%	29%
Chỉ số hoạt động				
Hệ số quay vòng phải thu khách hàng	1.3	1.3	1.7	1.9
Hệ số quay vòng HTK	6.4	5.3	6.2	7.2
Hệ số quay vòng phải trả nhà cung cấp	1.6	3.8	3.7	3.8

KHOÍ PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Khối phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích doanh nghiệp

Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán

Nguyễn Anh Tùng – Trưởng nhóm
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích
linhpp@kbsec.com.vn

Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng

Phạm Hoàng Bảo Nga – Trưởng nhóm
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Dương Nguyên – Chuyên viên phân tích
nguyennd1@kbsec.com.vn

Bán lẻ & Hàng tiêu dùng

Nguyễn Trường Giang – Chuyên viên phân tích
giangnt1@kbsec.com.vn

Bất động sản khu công nghiệp & Logistics

Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích
anhntn@kbsec.com.vn

Đầu khí & Hóa Chất

Phạm Minh Hiếu – Chuyên viên phân tích
hieupm@kbsec.com.vn

Phân tích vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh – Giám đốc vĩ mô & Chiến lược đầu tư
anhhd@kbsec.com.vn

Vĩ mô & Ngân hàng

Vũ Thu Uyên – Chuyên viên phân tích
uyenvt@kbsec.com.vn

Chiến lược đầu tư

Nghiêm Sỹ Tiến – Chuyên viên phân tích
tienss@kbsec.com.vn

Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích
thuannd@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng 16&17, Tháp 2, Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.